TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày: 30-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Ông Nguyễn Văn Ta.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành K (tên thường gọi khác: T), sinh ngày 26 tháng 4 năm 1985, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm T 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ đã chết và bà Bùi Thị B; vợ: chưa có, chung sống như vợ chồng với người khác không đăng ký kết hôn, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 13 tháng 11 năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 12 tháng 8 năm 2007; bị bắt, tạm giữ ngày 05 tháng 3 năm 2019; tạm giam ngày 08 tháng 3 năm 2019; có mặt.

- Bị hại:

1. Trần Văn H, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1994; nơi cư trú: khóm T 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Hồ Hoàng T1, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp 3, xã T 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Nguyễn Thanh P (tên thường gọi khác: P Em), sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ 12, khóm L A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Phạm Huỳnh P1, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2000; nơi cư trú: ấp 1, xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp 2, xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Bùi Thị B (có mặt), Trương Thị Bích T2, Nguyễn Hoàng N, Hồ Ngọc T3, Phạm Thị K, Nguyễn Văn M, Trần Minh P, Diệp Diễm T4, Nguyễn Hữu T5, Nguyễn Văn S, Bùi Thị Cẩm L, Nguyễn Nhựt L (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành K nhiều lần thực hiện các hành vi sau:

Lần thứ nhất, vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại quán cà phê của anh Nguyễn Hữu T5 (thuộc ấp 3, xã T 2, huyện H), Nguyễn Thành K hỏi mượn anh Trần Văn H một xe mô tô loại Wave màu xanh, biển số 66P1-928.27 để đi đánh bạc, một lát sẽ trả. H đồng ý. K điều khiển xe về nhà trọ, rủ thêm Phạm Huỳnh P1 cùng đi. P1 đồng ý. Khi cả hai đến tụ điểm đánh bạc bên Campuchia, K tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà bị thua, không có tiền chung nên nảy sinh ý định đem xe cầm tại tụ điểm đánh bạc nhưng không cầm được. Lúc này, K nói với P1 xe mô tô của người em cho mượn cầm, kêu P1 đem xe về Việt Nam cầm giùm. Thấy xe có giấy tờ, nên P1 đồng ý và điều khiển xe mô tô đến tiệm cầm đồ T2 L của anh Nguyễn Văn T2 (thuộc ấp 1, xã T 1, huyện H), cầm với giá 5.000.000 đồng. Sau đó, P1 đưa hết tiền cầm xe cho K trả tiền đánh bạc. K và P1 đi bộ về nhà. K dặn P1 và Nguyễn Nhựt L nói dối là xe do P1 tự lấy đem cầm. Chiều cùng ngày, H đến nhà trọ yêu cầu K trả xe, K hứa vài ngày sẽ trả nhưng không có khả năng chuộc xe trả lại H. Ngày 26 tháng 4 năm 2018, H đến Công an xã T 2 trình báo.

Lần thứ hai, vào khoảng 11-12 giờ ngày 25 tháng 3 năm 2018, Nguyễn Hoàng N kêu Hồ Hoàng T1 điều khiển xe mô tô đến nhà trọ Nguyễn Thành K thuê tại ấp 3, xã T 2, huyện H, để rước N. Khi đến, K hỏi mượn xe mô tô nhãn

hiệu Sirius màu trắng đen, biển số 66G1-349.35 của T1 để chở T6 (là người chung sống như vợ chồng với K) về nhà mẹ ruột K, một lát sau sẽ trả. T1 đồng ý. K điều khiển xe chở T6 về nhà mẹ ruột, rồi tiếp tục qua tụ điểm đánh bạc bên Campuchia đánh bạc bị thua nên nảy sinh ý định và đem xe của T1 đi cầm giá 10.000.000 đồng. Đến 17 giờ cùng ngày, K đi bộ về nhà trọ, thừa nhận với N và T1 đã cầm xe, hẹn 02 - 03 ngày sau sẽ chuộc xe trả nhưng không trả nên T1 đến Công an xã trình báo. Sau đó, T1 nhiều lần yêu cầu K chuộc xe, nhưng K chỉ đưa trước bên cầm xe 4.000.000 đồng. Đến ngày 07 tháng 4 năm 2018, T1 qua tụ điểm đánh bạc bên Campuchia đưa thêm 6.000.000 đồng để chuộc xe từ người thanh niên lạ mặt.

Lần thứ ba, vào khoảng 09 giờ ngày 24 tháng 4 năm 2018, Nguyễn Thành K gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh P nói có gà giá rẻ kêu lại xem, nên P điều khiển xe mô tô loại Wave Alpha màu xanh, biển số 66G1-278.17, đến nhà trọ K đang thuê tại ấp 3, xã T 2, huyện H. Khoảng 11 giờ cùng ngày, K nhờ P chở về nhà mẹ ruột. Tiếp tục, K kêu P chở đến nhà anh Nguyễn Văn M lấy thịt heo về cho vợ nấu ăn. Sau đó, P và K ghé vào quán nước của ông Hai Tân (thuộc ấp 3, xã T 2, huyện H), uống nước một lát thì K hỏi mượn xe mô tô của P đem thịt heo về, sẽ quay lại liền, nên P đồng ý. Sau khi đem thịt về nhà, K điều khiển xe mô tô qua tụ điểm đánh bạc bên Campuchia đánh bạc bị thua và không có tiền nên nảy sinh ý định và đem xe 66G1-278.17 cầm với giá 9.000.000 đồng. Ngày 25 tháng 4 năm 2018, không thấy trả xe nên P trình báo Công an xã. Đến 12 giờ ngày 25 tháng 4 năm 2018, K nói với P xe đã cầm tại tụ điểm đánh bạc bên Campuchia. Ngày 29 tháng 4 năm 2018, P cùng vợ là Trương Thị Bích T2 qua tụ điểm đánh bạc bên Campuchia chuộc xe giá 9.000.000 đồng từ một người lạ mặt.

Sau khi thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Thành K bỏ trốn khỏi địa P. Đến ngày 05 tháng 3 năm 2019 thì bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ:

- Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu trắng đen, biển số 66G1-349.35. Một giấy đăng ký xe mô tô số 021557 tên chủ xe Hồ Hoàng T1.

- Một xe mô tô biển số 66G1-278.17 nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xanh đen, do Trương Thị Bích T2 đứng tên chủ sở hữu.

- Một xe mô tô biển số 66P1-928.27, màu xanh; Một giấy chứng nhận đăng ký xe số 076389, mang tên Bùi Thị Cẩm L.

Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Hồ Hoàng T1, Trương Thị Bích T2, Bùi Thị Cẩm L.

- Một giấy hợp đồng cầm xe, đề ngày 15 tháng 3 năm 2018; do anh Nguyễn Văn T2 giao nộp, chứng minh việc Phạm Huỳnh P1 cầm xe mô tô 66P1-928.27.

Đây là tài liệu dùng làm chứng cứ nên Cơ quan điều tra lưu tại hồ sơ để làm căn cứ.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 07/BBĐG-TSHS ngày 27 tháng 4 năm 2018 và 09/BBĐG-TSHS ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Xe mô tô YAMAHA, biển số 66G1-349.35, trị giá 18.000.000 đồng; xe mô tô HONDA biển số 66G1 - 278.17, trị giá 17.600.000 đồng; xe mô tô CITYCUP biển số 66P1-928.27, trị giá 12.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, đã thỏa T2: Nguyễn Thành K bồi thường số tiền chuộc xe cho bị hại Hồ Hoàng T1 6.000.000 đồng, bị hại Nguyễn Thanh P số tiền 9.000.000 đồng, đã bồi thường xong. Bị hại Trần Văn H đã nhận lại xe mô tô 66P1-928.27, không yêu cầu K bồi thường thiệt hại. Người liên quan Phạm Huỳnh P1 hỗ trợ Nguyễn Thành K cùng bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền cầm xe 5.000.000 đồng, đã bồi thường xong. Phạm Huỳnh P1 không yêu cầu K trả lại.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSHN ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đối với Phạm Huỳnh P1 do tin tưởng nên mới cầm xe dùm K, không sử dụng tiền cầm xe mà đưa hết cho K; Nguyễn Văn T2 nhận cầm xe mô tô 66P1-928.27 nhưng không biết xe do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự P1 và T2. Hành vi đánh bạc của K xảy ra ở nước Campuchia và chỉ có lời khai K nên không đặt ra vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Về dân sự, về vật chứng: Đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Bị cáo K thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo đã biết ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo

khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo K khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[3] Bị cáo Nguyễn Thành K là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của các bị hại H, T1, P giao tài sản là 03 xe mô tô có tổng trị giá 48.100.000 đồng, cho bị cáo mượn. Bị cáo đã dùng tài sản đó đem cầm để sử dụng vào mục đích bất hợp pháp là đánh bạc bị thua, không có khả năng trả lại tài sản cho các bị hại. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo K phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

BLHS quy định: "*Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là P tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo K là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[6] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; tài sản có tổng trị giá 48.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa P, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và

cũng nhằm mục đích phòng ngừa chung cho những ai muốn thực hiện hành vi như bị cáo.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là thành phần nhân dân lao động làm thuê, đã từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản, hiện không còn tiền án, chưa có tiền sự.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: 03 lần bị cáo thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đều trên 4.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục H quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan cảnh sát điều tra trong việc P1 hiện tội phạm; cha, mẹ là người có công cách mạng; các bị hại P, T1 làm đơn xin bãi nại cho bị cáo. Các tình tiết này được quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành K phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành K 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 3 năm 2019.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thành K phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30 tháng 5 năm 2019). Đối với các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời

hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú